



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP

Số:

/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

ĐƯỢC PHỎ

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CỦA TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP được ĐHĐCĐ thông qua ngày 27/4/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2024;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần số /BB-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần diễn ra ngày 26/4/2024 đã biểu quyết thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch năm 2024 (chi tiết tại Báo cáo đính kèm), với các chỉ tiêu chính như sau:

1.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2023:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2023	TH 2023	So sánh TH với KH
I	Chỉ tiêu sản lượng				
1	Sản lượng xuất khẩu/bán dầu thô và nhập khẩu dầu thô cho NMLD Dung Quất	1.000 tấn	9.185	10.642	116%
-	Xuất bán (gồm bán cho BSR)	1.000 tấn	8.058	8.483	105%
-	Nhập khẩu dầu thô cho BSR	1.000 tấn	1.127	2.159	192%
2	Sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn	1.000 m3/tấn	484	676	140%
3	Sản lượng kinh doanh xăng dầu	1.000 m3	3.300	5.242	159%
-	Tỷ trọng bán lẻ	%	28,4%	24,5%	
II	Chỉ tiêu tài chính				
1	Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất				
1.1	Doanh thu	Tỷ đồng	50.000	103.639	207%
1.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	600	798	133%
1.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	480	621	129%
1.4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	6.400	9.508	149%



Handwritten signature

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2023	TH 2023	So sánh TH với KH
2	Công ty mẹ				
2.1	Doanh thu	Tỷ đồng	33.000	82.560	250%
2.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	500	611	122%
2.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	400	501	125%

1.2. Kế hoạch năm 2024:

a) Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2024
I	Các chỉ tiêu sản lượng		
1	Sản lượng xuất khẩu/bán dầu thô và nhập khẩu dầu thô cho NMLD Dung Quất	1.000 tấn	9.496
2	SX xăng dầu, dầu mỡ nhờn	1000 m3/tấn	585
3	Sản lượng kinh doanh xăng dầu	1000 m3	5.000
	- Tỷ trọng bán lẻ	%	27,1%
II	Các chỉ tiêu tài chính		
II.1	Các chỉ tiêu hợp nhất		
1	Doanh thu	Tỷ đồng	83.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	740
3	Lợi nhuận sau thuế		592
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	7.584
II.2	Công ty mẹ		
1	Doanh thu	Tỷ đồng	56.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	600
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	480
4	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	%	2,5%

Ủy quyền cho HĐQT PVOIL xem xét, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2024 (nếu có) khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi giá dầu để tính toán kế hoạch năm 2024 hoặc theo giá dầu thực tế, báo cáo ĐHĐCĐ kết quả thực hiện và công bố thông tin theo quy định.

b) Kế hoạch đầu tư XD CB

TT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)
1	Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng		459
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD	65-70 CHXD	266
3	Đầu tư, mua sắm khác		345
	TỔNG CỘNG		1.070
	Trong đó: - Công ty mẹ		377
	- Công ty con		693
	Đầu tư từ nguồn vốn CSH		639

2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Hội đồng quản trị (chi tiết tại Báo cáo đính kèm);

Phạm Văn

3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát (Báo cáo đính kèm);

4. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Tờ trình đính kèm);

5. Thông qua Báo cáo quyết toán tiền lương, thù lao năm 2023 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2024 của thành viên HĐQT, BKS (Báo cáo đính kèm);

6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 với nội dung như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước chuyển qua	253.791.271.885
2	Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2023	501.329.353.908
3	Trích các Quỹ năm 2023	97.574.220.000
4	LNST chưa phân phối sau khi trích lập các Quỹ ($4 = 1 + 2 - 3$)	657.546.405.793
5	Chia cổ tức năm 2023 (2%VĐL)	206.845.900.000
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển sang năm sau	450.700.505.793

7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024 của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (Tờ trình đính kèm).

8. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (Tờ trình đính kèm). Ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung nói trên theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Bộ máy điều hành Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu: VT, HĐQT, KH, PPNU (03b).

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH HĐQT



Cao Hoài Dương